TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/DSST
Ngày: 27 – 3 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị T

2. Bà Trần Ngọc P

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng T - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024 QĐST –DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Qũy tín dụng nhân dân phường L; địa chỉ: D221C, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Ngọc Lệ Hà, sinh năm 1952, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hiệp S, sinh năm 1965; trú tại: D102, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Theo giấy ủy quyền ngày 06/10/2023), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2001; trú tại: 16/6, khu phố Đồng An 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1995; trú tại: 16/6, khu phố Đồng An 1, phường Bình Hòa, thành phố, tỉnh Bình Dương, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Hiệp S trình bày:

Ngày 22/12/2021 giữa Quỹ tín dụng nhân dân phường L(gọi tắt là Quỹ tín dụng) và ông Nguyễn Văn Liêm, bà Nguyễn Thị Loan ký kết hợp đồng tín dụng số 2021/0630 để vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay tiền mua sắm vật dụng trong gia đình, hình thức vay là tín chấp, phương thức thanh toán là hàng tháng trả góp nợ gốc và lãi, lãi suất được tính trên dư nợ giảm dần, thời hạn vay là 24 tháng. Lãi suất vay 1,5%/01 tháng tương đương 18,25%/01 năm, lãi suất quá hạn 2,25%/01 tháng tương đương 27,375%/01 năm.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì ông L đã thanh toán cho Quỹ tín dụng được 03 kỳ nợ gốc 6.300.000 đồng và tiền lãi là 2.158.650 đồng. Tuy nhiên ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 09/5/2022 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ số tiền nợ của ông L thành nợ quá hạn với số tiền 43.700.000 đồng. Ngày 23/3/2022 đến ngày 22/6/2022 ông L đã thanh toán thêm được 6.300.000 đồng nợ gốc và 2.913.000 đồng nợ lãi. Tính đến ngày 27/3/2022 thì dư nợ gốc còn lại 37.400.000 đồng, dư nợ lãi 6.146.717 đồng (trong đó lãi trong hạn tính đến ngày 22/12/2023 là 5.357.750 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 01/3/2024 là 788.9676 đồng). Tuy nhiên Quỹ tín dụng đã ban hành nghị quyết là không tính lãi phạt đối với các hợp đồng tín dụng do ảnh hưởng của dịch Covid -19. Ông L thuộc đối tượng không phải chịu lãi phạt nhưng phải chịu lãi suất trong hạn hợp đồng vay của ông L tính đến ngày 22/12/2023.

Trong quá trình tố tụng quỹ tín dụng yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền 42.623.200 đồng, trong đó nợ gốc 37.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/10/2023 là 5.223.200 đồng. Đối với tiền tiền lãi sau ngày Tòa án xét xử thì chỉ yêu cầu lãi suất thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng, phương án hoạt động, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy đề nghị vay vốn, trích lục trích hôn, báo cáo thẩm định, thông báo chuyển nợ quá hạn (bản pho to); giấy phép hoạt động, căn cước bà Hà (bản sao y); hợp đồng ủy quyền (bản chính); bảng tính lãi, phiếu thu tiền (bản sao).

Bị đơn – ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Loan đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng theo

đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà Loan, ông L không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn L tranh chấp hợp đồng tín dụng. Xét đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Loan, ông Nguyễn Văn L theo đúng quy định tại các tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa. Việc vắng mặt của của các đương sự trong quá trình tố tụng được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[3] Nội dung vụ án:

Ngày 22/12/2021 giữa ông L và Quỹ tín dụng có giao kết hợp đồng tín dụng số 2021/0630. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên quỹ tín dụng khởi kiện thu hồi toàn bộ số tiền 42.623.200 đồng, trong đó nợ gốc 37.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/10/2023 là 5.223.200 đồng. Xét hợp đồng tín dụng số 2021/0630 là hợp pháp, bà Loan với tư cách là người thừa kế của ông L và ông L vay tiền mục đích để mua sắm vật dụng trong gia đình, tuy nhiên Quỹ tín dụng chỉ

yêu cầu ông L thanh toán không yêu cầu bà Loan có trách nhiệm liên đới nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình tố tụng thì quỹ tín dụng không yêu cầu lãi suất quá hạn đến ngày tòa án xét xử và không yêu cầu lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng sau ngày Tòa án xét xử mà yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất chậm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Xét đây là sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Qũy tín dụng nhân dân phường L đối với bị đơn – ông Nguyễn Văn L về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn L trả cho Qũy tín dụng nhân dân phường L số tiền 42.623.200 đồng, trong đó nợ gốc 37.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày 05/10/2023 là 5.223.200 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm**:**

Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.131.160 đồng.

Hoàn trả cho Qũy tín dụng nhân dân phường L số tiền 1.065.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000825 ngày 13 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố Thuận An;,
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị N